

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **304** /QĐ-UBND

Lục Ngạn, ngày **05** tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chi chuyển nguồn ngân sách năm 2019 sang năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016;

Căn cứ Công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019 và các năm sau;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 134/TTr-TCKH ngày 03/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chi chuyển nguồn ngân sách năm 2019 sang năm 2020, với tổng số tiền: **89.444.305.432 đồng** (Tám mươi chín tỷ bốn trăm bốn mươi tư triệu ba trăm linh năm nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

(có biểu chi tiết kèm theo).

Kinh phí chuyển nguồn được bổ sung vào dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020.

Điều 2. Giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo, cấp kinh phí chuyển nguồn; đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thực hiện quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan: Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước Lục Ngạn và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3 (T/h);
- LĐVP, CVTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Cao Văn Hoàn

BIỂU CHI TIẾT CHỈ CHUYỂN NGUỒN NĂM 2019 SANG NĂM 2020
(kèm theo Quyết định số **304/2020**-UBND ngày **05/3/2020** của UBND huyện)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị thực hiện	Số kinh phí chuyển nguồn	Ghi chú
A	Tổng thu ngân sách huyện năm 2019		1.395.913.037.505	
B	Tổng chi ngân sách huyện năm 2019		1.304.700.491.225	
C	Tổng số tồn quỹ ngân sách huyện		91.212.546.280	
	Tổng số phê duyệt chuyển nguồn		89.444.305.432	
I	Chi đầu tư phát triển (hạch toán mục chi chuyển nguồn: 0961)		1.399.004.000	
1	Vốn chuẩn bị đầu tư theo Nghị quyết 29/HĐND, công trình: Đường giao thông từ thôn Trại Na, xã Thanh Hải đi xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn - vốn NSH	UBND xã Thanh Hải	50.000.000	
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình (chuẩn Y tế): Cải tạo Trạm Y tế xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn - vốn NSH	UBND xã Mỹ An	80.533.000	
3	Xây dựng công vành lao nghĩa trang thôn Đông Mai, xã Mỹ An- vốn NTM, NS Tỉnh	UBND xã Mỹ An	10.000.000	
4	- Xây dựng mới khu thể thao xã (thôn Ngọc Nương) xã Mỹ An- vốn NTM, NSTW: 1 tỷ; NST Tỉnh:140tr	UBND xã Mỹ An	1.140.000.000	
5	Xây dựng ngầm qua suối thôn Giàng, xã Phong Minh (hạng mục: Đoạn TL248- nhà ông Minh- vốn NTM, NS TW	UBND xã Phong Minh	62.435.000	
6	Xây dựng ngầm qua suối thôn Giàng, xã Phong Minh (hạng mục: Đoạn TL248- nhà Bà Duyên- vốn NTM, NS TW	UBND xã Phong Minh	56.036.000	
II	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, trợ cấp, bảo trợ xã hội (hạch toán mục chi chuyển nguồn: 0963 - hạch toán nguồn 13,14)		1.122.433.732	
1	Kinh phí tự chủ của các đơn vị dự toán		1.121.414.432	
1.1	Kinh phí tự chủ	Văn phòng Huyện uỷ (Ủy ban MTTQ)	131.939.989	

STT	Nội dung chi	Đơn vị thực hiện	Số kinh phí chuyển nguồn	Ghi chú
1.2	Kinh phí tự chủ	Văn phòng Huyện uỷ (Hội Cựu chiến binh)	59.498.757	
1.3	Kinh phí tự chủ	Hội Chữ Thập đỏ	289.200	
1.4	Kinh phí tự chủ	Phòng Giáo dục và Đào tạo	33.730.000	
1.5	Kinh phí tự chủ	Phòng Nông nghiệp - PTNT (CB biên chế NT mới)	642.316	
1.6	Kinh phí tự chủ	Phòng Nông nghiệp - PTNT	4.731.152	
1.7	Kinh phí tự chủ	Phòng Tư pháp	101.925	
1.8	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Phương Sơn	8.200.000	
1.9	Kinh phí tự chủ	Trung tâm Dịch vụ-Kỹ thuật nông nghiệp huyện	86.339.575	
1.10	Kinh phí tự chủ	Phòng Tài nguyên và Môi trường	35.953.752	
1.11	Kinh phí tự chủ	Hội Người mù	13.757.243	
1.12	Kinh phí tự chủ	Phòng Lao động-TB&XH	155.482.000	
1.13	Kinh phí tự chủ	Phòng Nội vụ (CB lưu trữ)	1.539.540	
1.14	Kinh phí tự chủ	Phòng Nội vụ	11.430	
1.15	Kinh phí tự chủ	Phòng Y tế	687.028	
1.16	Kinh phí tự chủ	MN Chũ	22.606.601	
1.17	Kinh phí tự chủ	MN Nam Dương	4.183.002	
1.18	Kinh phí tự chủ	MN Đồng Cốc	19.454.774	
1.19	Kinh phí tự chủ	TH Tân lập	18.382.224	
1.20	Kinh phí tự chủ	TH Biên Động	8.293.000	
1.21	Kinh phí tự chủ	TH Phi Điền	3.592.854	
1.22	Kinh phí tự chủ	TH Tân Sơn 1	7.875.452	
1.23	Kinh phí tự chủ	TH Kim Sơn	8.172.030	
1.24	Kinh phí tự chủ	THCS Nam Dương	3.081.000	
1.25	Kinh phí tự chủ	THCS Tân lập	475.592.507	
1.26	Kinh phí tự chủ	THCS Kiên Thành	204.071	
1.27	Kinh phí tự chủ	THCS Kim Sơn	15.306.882	
1.28	Kinh phí tự chủ	THCS Quý Sơn	1.766.128	
2	Kinh phí bảo trợ xã hội		1.019.300	
2.1	Kinh phí bảo trợ xã hội (Chính sách và hoạt động phục vụ đối tượng bảo trợ XH)	Phòng Lao động-Thương binh và XH	1.019.300	
III	Dự toán được cấp bổ sung sau ngày 30/9 (hạch toán mục chi chuyển nguồn: 0965; nguồn 15)		259.346.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị thực hiện	Số kinh phí chuyển nguồn	Ghi chú
1	Kinh phí xúc tiến thương mại	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	90.000.000	
2	Kinh phí ATGT	Ban ATGT huyện	169.346.000	
IV	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi theo khoản 2 Điều 59 của Luật Ngân sách (hạch toán mục chi chuyển nguồn: 0967)		86.663.521.700	
1	Các khoản ưu tiên theo khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách (chi trả nợ)		18.397.000.000	
1.1	- Chi trả nợ công trình đầu tư thuộc CTMTQG nông thôn mới năm 2019 (đã bố trí từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2019 tại QĐ 1231/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND huyện nhưng do hụt thu chưa có nguồn hỗ trợ thanh toán) - có biểu chi tiết bổ sung kế hoạch vốn đầu tư kèm theo	UBND các xã	7.547.000.000	Tổng DT 2019 hỗ trợ 12 tỷ; đã hỗ trợ được xã Tân Quang 3.143 tr; xã Tân Mộc: 850tr; Mỹ An: 360tr; xã Thanh Hải: 100tr
1.2	- Tăng thu năm 2019 để nguồn làm lương theo quy định		6.200.000.000	
1.3	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc UBND xã Tân Mộc, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; hạng mục: Xây mới nhà làm việc bộ phận một cửa	UBND xã Tân Mộc	1.000.000.000	Đã có QĐ của UBND và Văn bản chấp thuận của Thường trực HĐND bổ sung dự toán chi kế hoạch đầu tư (đã cấp) nhưng chưa được cân đối nguồn vốn
1.4	Trường Tiểu học Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	UBND xã Giáp Sơn	1.150.000.000	
1.5	Sửa chữa tuyến đường Nam Dương - Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD	500.000.000	
1.6	Sửa chữa, cải tạo công viên trước cổng UBND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD	2.000.000.000	
2	Các khoản ưu tiên theo khoản 2 Điều 59 của Luật Ngân sách (chi an sinh xã hội) KP dự hoạt động đảm bảo XH và chi an sinh xã hội khác	Phòng Lao động-Thương binh và XH và các đơn vị khác	370.372.900	Số dư TK năm trước của Phòng Lao động-Thương binh và XH: 170.372.900đ
3	Kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh chưa sử dụng (theo biểu chi tiết kèm theo)		62.793.148.800	
4	Chi các khoản khác (hỗ trợ các nhiệm vụ mới phát sinh ngoài dự toán đầu năm giao; hỗ trợ VP Huyện ủy, Văn phòng HĐND và UBND huyện làm khẩu hiệu đèn led điện tử; hỗ trợ Hội hữu nghị Việt - Lào tổ chức Đại hội; hỗ trợ UBND xã Thanh Hải mua xe vận chuyển rác; hỗ trợ một số nhiệm vụ của Đội Quản lý trật tự giao thông, xây dựng và môi trường huyện; hỗ trợ kinh phí Ban ATGT và các nhiệm vụ do Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo hỗ trợ; bổ sung kinh phí khen thưởng phong trào TĐĐKXDĐSVH năm 2019; hỗ trợ UBND xã Hộ Đáp di chuyển 03 ngôi mộ; hỗ trợ Ban Chỉ huy QS huyện kinh phí tổ chức Lễ Giao nhận quân năm 2020 ...)	Các đơn vị	5.103.000.000	

**BIỂU CHI TIẾT PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN CHI ĐẦU TƯ NĂM 2020 - TỪ NGUỒN CHUYÊN NGUỒN NĂM TRƯỚC SANG
(THUỘC KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019)**

(kèm theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn	Ghi chú
	Tổng số		7.547.000.000	
1	Xây dựng công vành lao nghĩa trang cụm thôn Trại Thập, Tân Hồng (địa điểm xây dựng tại thôn Tân Hồng, xã Tân Lập)	UBND xã Tân Lập	150.000.000	
2	Cải tạo nâng cấp khu thể thao thôn Trại Thập, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	51.000.000	
3	Xây dựng công, vành lao, đường bê tông nghĩa trang thôn Ngọt, xã Hồng Giang	UBND xã Hồng Giang	150.000.000	
4	Xây mới khu thể thao thôn Ngọt, xã Hồng Giang	UBND xã Hồng Giang	100.000.000	
5	Xây mới nhà văn hóa thôn Kim 3, xã Phụng Sơn	UBND xã Phụng Sơn	300.000.000	
6	Xây mới nhà văn hóa thôn Bồng, xã Phụng Sơn	UBND xã Phụng Sơn	300.000.000	
7	Quy hoạch cắm mốc chỉ giới, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	120.000.000	
8	Cứng hóa đường trục liên thôn Trại Cháy đi Bãi Chè, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	125.000.000	
9	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Lai Hòa, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	144.000.000	
10	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Trại Ba, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	76.000.000	
11	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Thum Cũ, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	360.000.000	
12	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Tân Thành, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	30.000.000	
13	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Số Ba, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	174.000.000	
14	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Phi Lễ, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	180.000.000	
15	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Bắc Một, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	459.000.000	
16	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Thượng Vũ, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	87.000.000	
17	Xây mới nhà văn hóa xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	1.500.000.000	
18	Cải tạo nâng cấp trụ sở, sân, công vành lao UBND xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	500.000.000	
19	Quy hoạch cắm mốc chỉ giới, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	120.000.000	
20	Xây mới khu thể thao thôn Đồng Á, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	100.000.000	
21	Xây mới khu thể thao thôn Đồng Còng, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	150.000.000	
22	Xây mới khu thể thao thôn Tân Giáo, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	150.000.000	
23	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn Tân Mộc, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	60.000.000	
24	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải Tân Thành, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	60.000.000	
25	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải Đồng Bông, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	60.000.000	
26	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải Đồng Còng, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	60.000.000	

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn	Ghi chú
27	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải Tân Trung, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	60.000.000	
28	Quy hoạch cắm mốc chỉ giới, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	120.000.000	
29	Cải tạo, sửa chữa khuôn viên UBND xã Mỹ An (Cổng, vành lao...)	UBND xã Mỹ An	301.000.000	
30	XD mới khu thể thao xã Mỹ An (tại thôn Nọc Nương)	UBND xã Mỹ An	850.000.000	
31	Xây dựng công vành lao nghĩa trang thôn Đông Mai, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	120.000.000	
32	Xây dựng công vành lao nghĩa trang thôn Đông Trảng, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	130.000.000	
33	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn Ngọc Nương, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
34	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn Hòa Mục, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
35	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn Trung Giang, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
36	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn An Phú 1, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
37	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn An Phú 2, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
38	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn An Phú 3, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
39	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn Xuân An, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
40	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn Đông Trảng, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	

BIỂU CHI TIẾT CHI CHUYỂN NGUỒN CÁC NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU

(kèm theo Quyết định số **304/QĐ-UBND** ngày **05/3/2020** của UBND huyện)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị thực hiện	Số kinh phí chuyển nguồn	Ghi chú
	Tổng số		62.793.148.800	
1	Kinh phí sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2018, 2019	Các hợp tác xã dùng nước	4.876.743.800	
2	Kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất trường mầm non theo NQ số 28/2014/NQ-HĐND (công trình: Trường Mầm non xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; hạng mục: Nhà lớp học 3 phòng thôn Nam Sơn)	UBND xã Nam Dương	750.000.000	
3	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí	Các trường học; Phòng Giáo dục; Phòng Lao động TB&XH	9.500.507.000	
4	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	UBND các xã	4.247.126.000	
5	Kinh phí thực hiện CTMTQG XD nông thôn mới	UBND các xã	94.193.000	
6	Kinh phí hỗ trợ XD công trình vệ sinh trường học	Các trường học	3.500.000	
7	Kinh phí hỗ trợ đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Phòng Tài nguyên và MT	2.659.420.000	
8	Kinh phí thực hiện CTMTQG XD nông thôn mới năm 2019 - Thưởng thôn Ngọt xã Hồng Giang (vốn đầu tư ngân sách tỉnh)	UBND xã Hồng Giang	20.000.000	
9	Kinh phí thực hiện CTMTQG XD nông thôn mới năm 2019 - Thưởng xã Tân Mộc, Quý Sơn, Tân Quang, Mỹ An (vốn đầu tư ngân sách tỉnh)	UBND các xã: Tân Mộc, Quý Sơn, Tân Quang, Mỹ An	800.000.000	
10	Kinh phí xi hỗ trợ mua măng làm đường giao thông theo NQ 07/2017/NQ-HĐND tỉnh	UBND các xã	13.484.703.000	
11	Kinh phí hỗ trợ thêm làm đường giao thông theo NQ 06/2018/NQ-HĐND tỉnh	UBND các xã	25.416.200.000	
12	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và một số nhiệm vụ khác	Các đơn vị	940.756.000	

UBND HUYỆN LỤC NGẠN
PHÒNG TÀI CHÍNH- KH

Số: 134/TTTr-TCKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lục Ngạn, ngày 13 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt chi chuyển nguồn ngân sách năm 2019 sang năm 2020

Kính gửi: UBND huyện Lục Ngạn

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 63/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách cuối năm 2018 sang năm 2019 và các năm sau;

Xét đề nghị của các cơ quan đơn vị; UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện,

Phòng Tài chính - Kế hoạch trình UBND huyện phê duyệt chi chuyển nguồn ngân sách năm 2019 sang năm 2020, với tổng số tiền: **89.444.305.432** đồng, (Bằng chữ: Tám mươi chín tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm linh lăm nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

(Chi tiết chi chuyển nguồn theo biểu đính kèm)

Kính phí chuyển nguồn được bổ sung vào dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020.

Kính trình UBND huyện xem xét và phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG



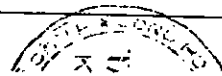
Phạm Văn Du

BIỂU CHI TIẾT CHI CHUYÊN NGUỒN NĂM 2019 SANG NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 134 /TTr-TCKH, ngày 03/3/2020 của Phòng Tài chính-KH)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị thực hiện	Số kinh phí chuyển nguồn	Ghi chú
	Tổng số đề nghị chuyển nguồn		89.444.305.432	
I	Chi đầu tư phát triển (hạch toán mục chi chuyển nguồn: 0961)		1.399.004.000	
1	Vốn chuẩn bị đầu tư theo Nghị quyết 29/HĐND, công trình: Đường giao thông từ thôn Trại Na, xã Thanh Hải đi xã Kiên Thành, huyện Lục Ngạn - vốn NSH		50.000.000	
2	Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình (chuẩn Y tế): Cải tạo Trạm Y tế xã Mỹ An, huyện Lục Ngạn - vốn NSH		80.533.000	
3	Xây dựng công vành lao nghĩa trang thôn Đông Mai, xã Mỹ An- vốn NTM, NS Tỉnh		10.000.000	
4	- Xây dựng mới khu thể thao xã (thôn Ngọc Nương) xã Mỹ An- vốn NTM, NSTW: 1 tỷ; NST Tỉnh: 140tr		1.140.000.000	
5	Xây dựng ngầm qua suối thôn Giàng, xã Phong Minh (hạng mục: Đoạn TL248- nhà ông Minh- vốn NTM, NS TW		62.435.000	
6	Xây dựng ngầm qua suối thôn Giàng, xã Phong Minh (hạng mục: Đoạn TL248- nhà Bà Duyên- vốn NTM, NS TW		56.036.000	
II	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, trợ cấp, bảo trợ xã hội (hạch toán mục chi chuyển nguồn: 0963 - hạch toán nguồn 13,14)		1.122.433.732	
1	Kinh phí tự chủ của các đơn vị dự toán		1.121.414.432	
1.1	Kinh phí tự chủ	Văn phòng Huyện uỷ (Ủy ban MTTQ)	131.939.989	
1.2	Kinh phí tự chủ	Văn phòng Huyện uỷ (Hội Cựu chiến binh)	59.498.757	
1.3	Kinh phí tự chủ	Hội Chữ Thập đỏ	289.200	
1.4	Kinh phí tự chủ	Phòng Giáo dục và Đào tạo	33.730.000	
1.5	Kinh phí tự chủ	Phòng Nông nghiệp - PTNT (CB biên chế NT mới)	642.316	
1.6	Kinh phí tự chủ	Phòng Nông nghiệp - PTNT	4.731.152	
1.7	Kinh phí tự chủ	Phòng Tư pháp	101.925	
1.8	Kinh phí tự chủ	Trường THCS Phượng Sơn	8.200.000	



STT	Nội dung chi	Đơn vị thực hiện	Số kinh phí chuyển nguồn	Ghi chú
1.9	Kinh phí tự chủ	Trung tâm Dịch vụ-Kỹ thuật nông nghiệp huyện	86.339.575	
1.10	Kinh phí tự chủ	Phòng Tài nguyên và Môi trường	35.953.752	
1.11	Kinh phí tự chủ	Hội người mù	13.757.243	
1.12	Kinh phí tự chủ	Phòng Lao động-TB&XH	155.482.000	
1.13	Kinh phí tự chủ	Phòng Nội vụ (CB lưu trữ)	1.539.540	
1.14	Kinh phí tự chủ	Phòng Nội vụ	11.430	
1.15	Kinh phí tự chủ	Phòng Y Tế	687.028	
1.16	Kinh phí tự chủ	MN Chũ	22.606.601	
1.17	Kinh phí tự chủ	MN Nam Dương	4.183.002	
1.18	Kinh phí tự chủ	MN Đông Cốc	19.454.774	
1.19	Kinh phí tự chủ	TH Tân lập	18.382.224	
1.20	Kinh phí tự chủ	TH Biên Động	8.293.000	
1.21	Kinh phí tự chủ	TH Phi Điền	3.592.854	
1.22	Kinh phí tự chủ	TH Tân Sơn I	7.875.452	
1.23	Kinh phí tự chủ	TH Kim Sơn	8.172.030	
1.24	Kinh phí tự chủ	THCS Nam Dương	3.081.000	
1.25	Kinh phí tự chủ	THCS Tân lập	475.592.507	
1.26	Kinh phí tự chủ	THCS Kiên Thành	204.071	
1.27	Kinh phí tự chủ	THCS Kim Sơn	15.306.882	
1.28	Kinh phí tự chủ	THCS Quý Sơn	1.766.128	
2	Kinh phí bảo trợ xã hội		1.019.300	
2.1	Kinh phí bảo trợ xã hội (Chính sách và hoạt động phục vụ đối tượng bảo trợ XH)	Phòng Lao động-Thương binh và XH	1.019.300	
III	Dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau 30/9 (hạch toán mục chi chuyển nguồn: 0965; nguồn 15)		259.346.000	
1	Kinh phí xúc tiến thương mại		90.000.000	
2	Kinh phí ATGT	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Ban ATGT huyện	169.346.000	
IV	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi theo khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách (hạch toán mục chi chuyển nguồn: 0967)		86.663.521.700	
1	Các khoản ưu tiên theo khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách (chi trả nợ)		18.397.000.000	
1.1	- Chi trả nợ công trình đầu tư thuộc CTMTQG nông thôn mới năm 2019 (đã bỏ từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2019 tại QĐ 1231/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND huyện nhưng do hút thu chưa có nguồn hỗ trợ thanh toán) - có biểu chi tiết bổ sung kế hoạch vốn đầu tư kèm theo	UBND các xã	7.547.000.000	Tổng DT 2019 hỗ trợ 12 tỷ: đã hỗ trợ được xã Tân Quang 3.143 tr; xã Tân Mộc: 850tr; Mỹ An: 360tr; xã Thanh Hải: 100tr

STT	Nội dung chi	Đơn vị thực hiện	Số kinh phí chuyển nguồn	Ghi chú
1.2	- Tăng thu năm 2019 để nguồn làm lương theo quy định			
1.3	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc UBND xã Tân Mộc, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; hạng mục: Xây mới nhà làm việc bộ phận một cửa	UBND xã Tân Mộc	6.200.000.000	
1.4	Trường Tiểu học Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	UBND xã Giáp Sơn	1.000.000.000	Đã có QĐ của UBND và Văn bản chấp thuận của Thường trực HĐND bổ sung dự toán chi kế hoạch đầu tư (đã cấp) nhưng chưa được cân đối nguồn vốn
1.5	Sửa chữa tuyến đường Nam Dương - Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban quản lý dự án ĐTXD	1.150.000.000	
1.6	Sửa chữa, cải tạo công viên trước công UBND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Ban quản lý dự án ĐTXD	500.000.000	
2	Các khoản ưu tiên theo khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách (chi an sinh xã hội) KP dự hoạt động đảm bảo XH và chi an sinh xã hội khác	Phòng Lao động-Thương binh và XH và các đơn vị khác	2.000.000.000	
3	Kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh chưa sử dụng (theo biểu chi tiết kèm theo)		370.372.900	Số dư TK năm trước của Phòng Lao động-Thương binh và XH: 170.372.900đ
4	Chi các khoản khác (hỗ trợ các nhiệm vụ mới phát sinh ngoài dự toán đầu năm giao; hỗ trợ VP Huyện ủy, Văn phòng HĐND và UBND huyện làm khẩu hiệu đèn led điện tử; hỗ trợ Hội hữu nghị Việt - Lào Đại hội; hỗ trợ UBND xã Thanh Hải mua xe vận chuyển rác; hỗ trợ một số nhiệm vụ của Đội Quản lý trật tự giao thông, xây dựng và môi trường huyện; hỗ trợ kinh phí Ban ATGT và các nhiệm vụ do Ban Thường vụ chỉ đạo hỗ trợ; bổ sung kinh phí khen thưởng phong trào TĐĐKXDĐSVH năm 2019; hỗ trợ UBND xã Hộ Đáp di chuyển 03 ngôi mộ; hỗ trợ Ban Chỉ huy QS huyện KP tổ chức Lễ Giao quân năm 2020 ...)	Các đơn vị	62.793.148.800	
			5.103.000.000	

**BIỂU CHI TIẾT PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN CHI ĐẦU TƯ NĂM 2020 - TỪ NGUỒN CHUYỂN NGUỒN NĂM TRƯỚC SANG
(THUỘC KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019)**

(Kèm theo Tờ trình số 134/TT-Tr-TCKH, ngày 03/3/2020 của Phòng Tài chính - KH)

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn	Ghi chú
	Tổng số		7.547.000.000	
1	Xây dựng công viên lao nghĩa trang cụm thôn Trại Thập, Tân Hồng địa điểm xây dựng tại thôn Tân Hồng, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	150.000.000	
2	Cải tạo nâng cấp khu thể thao thôn Trại Thập, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	51.000.000	
3	Xây dựng công, vành lao, đường bê tông nghĩa trang thôn Ngọt, xã Hồng Giang	UBND xã Hồng Giang	150.000.000	
4	Xây mới khu thể thao thôn Ngọt, xã Hồng Giang	UBND xã Hồng Giang	100.000.000	
5	Xây mới nhà văn hóa thôn Kim 3, xã Phụng Sơn	UBND xã Phụng Sơn	300.000.000	
6	Xây mới nhà văn hóa thôn Bông, xã Phụng Sơn	UBND xã Phụng Sơn	300.000.000	
7	Quy hoạch cắm mốc chỉ giới, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	120.000.000	
8	Cứng hóa đường trục liên thôn Trại Cháy đi Bãi Chè, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	125.000.000	
9	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Lai Hòa, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	144.000.000	
10	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Trại Ba, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	76.000.000	
11	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Thum Cũ, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	360.000.000	
12	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Tân Thành, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	30.000.000	
13	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Số Ba, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	174.000.000	
14	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Phi Lễ, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	180.000.000	
15	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Bắc Một, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	459.000.000	
16	Cứng hóa đường ngõ xóm thôn Thượng Vũ, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	87.000.000	
17	Xây Mới nhà văn hóa xã, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	1.500.000.000	
18	Cải tạo nâng cấp trụ sở, sân, công viên lao UBND xã, xã Quý Sơn	UBND xã Quý Sơn	500.000.000	
19	Quy hoạch cắm mốc chỉ giới, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	120.000.000	
20	Xây mới khu thể thao thôn Đông Á, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	100.000.000	
21	Xây mới khu thể thao thôn Đông Còng, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	150.000.000	
22	Xây mới khu thể thao thôn Tân Giáo, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	150.000.000	
23	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn Tân Mộc, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	60.000.000	
24	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải Tân Thành, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	60.000.000	
25	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải Đông Bông, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	60.000.000	
26	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải Đông Còng, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	60.000.000	

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn	Ghi chú
27	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải Tân Trung, xã Tân Mộc	UBND xã Tân Mộc	60.000.000	
28	Quy hoạch cắm mốc chỉ giới, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	120.000.000	
29	Cải tạo, sửa chữa khuôn viên ủy ban xã (Công, vành lao...), xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	301.000.000	
30	XD mới khu thể thao xã (thôn Nọc Nương), xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	850.000.000	
31	Xây dựng công vành lao nghĩa trang thôn Đông Mai, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	120.000.000	
32	Xây dựng công vành lao nghĩa trang thôn Đông Trảng, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	130.000.000	
33	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn Ngọc Nương, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
34	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn Hòa Mục, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
35	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn Trung Giang, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
36	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn An Phú 1, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
37	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn An Phú 2, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
38	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn An Phú 3, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
39	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn Xuân An, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	
40	Xây dựng điểm thu gom xử lý rác thải thôn Đông Trảng, xã Mỹ An	UBND xã Mỹ An	50.000.000	

BIỂU CHI TIẾT CHI CHUYÊN NGUỒN CÁC NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU

(Kèm theo Tờ trình số 134/TT-Tr-TCKH, ngày 03/13/2020 của Phòng Tài chính - KH)

STT	Nội dung chi	Đơn vị thực hiện	Số kinh phí chuyển nguồn	Ghi chú
	Tổng số		62.793.148.800	
1	Kinh phí sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi 2018, 2019	Các hợp tác dùng nước	4.876.743.800	
2	Kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất trường mầm non theo NQ số 28/2014/NQ-HĐND (công trình: Trường Mầm non xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; hạng mục: Nhà lớp học 3 phòng thôn Nam Sơn)	UBND xã Nam Dương	750.000.000	
3	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí	Các trường học; phòng Giáo dục; phòng Lao động TB&XH	9.500.507.000	
4	Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	UBND các xã	4.247.126.000	
5	Kinh phí thực hiện CTMTQG XD nông thôn mới	UBND các xã	94.193.000	
6	Kinh phí hỗ trợ XD công trình vệ sinh trường học	Các trường học	3.500.000	
7	Kinh phí hỗ trợ đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Phòng Tài nguyên và MT	2.659.420.000	
8	Kinh phí thực hiện CTMTQG XD nông thôn mới năm 2019 - Thưởng thôn Ngọt xã Hồng Giang-Võn ĐT-NST	UBND xã Hồng Giang	20.000.000	
9	Kinh phí thực hiện CTMTQG XD nông thôn mới năm 2019 - Thưởng xã Tân Mộc, Quý Sơn, Tân Quang, Mỹ An-Võn ĐT-NST	UBND các xã: Tân Mộc, Quý Sơn, Tân Quang, Mỹ An	800.000.000	
10	Kinh phí xi măng làm đường giao thông theo NQ 07/2017/NQ-HĐND tỉnh	UBND các xã	13.484.703.000	
11	Kinh phí hỗ trợ thêm làm đường giao thông theo NQ 06/2018/NQ-HĐND tỉnh	UBND các xã	25.416.200.000	
12	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và một số nhiệm vụ khác	Các đơn vị	940.756.000	

